

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án sản xuất và gia công các sản phẩm đèn Led trang trí, đồ chơi điện tử
của Công ty TNHH Thẩm Thái Hòa Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư sản xuất và gia công các sản phẩm Led trang trí, đồ chơi điện tử tại xã Thái Hoà, huyện Triệu Sơn;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Thẩm Thái Hòa Triệu Sơn tại Văn bản số 39/CV-TTH ngày 09/6/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 654/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Sản xuất và gia công các sản phẩm đèn Led trang trí, đồ chơi điện tử (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thắm Thái Hòa Triệu Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Chủ tịch UBND xã Thái Hòa, Giám đốc Công ty TNHH Thắm Thái Hòa Triệu Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

1.3. Công nghệ sản xuất

1.3.1. Công nghệ sản xuất đèn LED trang trí (bao gồm quy trình sản xuất phần nhựa và quy trình gia công và lắp ráp đèn led)

Dây chuyền sản xuất đèn LED của dự án gồm 02 công đoạn chính, bao gồm: Sản xuất phần nhựa (sản xuất một số bán thành phẩm phụ trợ cho quá trình gia công, lắp ráp đèn LED) và gia công, lắp ráp đèn LED.

- Quy trình sản xuất phần nhựa: (Hạt nhựa + Bột màu) → Trộn → Đùn ép → Bán thành phẩm nhựa.

- Quy trình gia công và lắp ráp đèn LED: Dây điện (sau khi cắt lộ đầu dây đồng) + Bộ điều khiển → Hàn dây → Buộc cố định dây → Kiểm tra đèn → Bật vít → Bắn keo → Đóng gói.

1.3.2. Công nghệ sản xuất linh kiện nhựa dùng cho thiết bị điện tử

(Hạt nhựa + Bột màu) → Trộn → Đùn ép → Bán thành phẩm nhựa.

1.3.3. Công nghệ sản xuất linh kiện nhựa, gia công lắp ráp các thiết bị điện tử (Máy hút bụi mini, tủ lạnh mini do động, chuông cửa chuông báo động không dây, đèn, còi báo động không dây, thiết bị khuếch tán tinh dầu, bảng điều khiển đồ chơi)

Nguyên liệu đầu vào (bán thành phẩm nhựa, bản mạch, dây điện, pin, ốc vít) → Lắp ráp → Chỉnh hình → Kiểm tra → Đóng gói.

1.3.4. Công nghệ sản xuất, gia công đồ chơi, đồ chơi điện tử; các sản phẩm, đồ dùng, thiết bị gia dụng bằng nhựa và các sản phẩm nhựa khác

(Hạt nhựa + Bột màu) → Trộn → Đùn ép → Bán thành phẩm nhựa → Phun sơn/In → Lắp ráp → Chỉnh hình → Kiểm tra → Đóng gói.

1.4. Phạm vi

Dự án Sản xuất và gia công các sản phẩm đèn Led trang trí, đồ chơi điện tử được thực hiện tại xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá có tổng diện tích là 68.000 m². Phạm vi của dự án được cụ thể như sau:

a. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục xây dựng gồm: Khu nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành dự án, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ trên đất.

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công: Hoạt động san nền, vận chuyển đồ thải đất bóc hữu cơ; Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị; Hoạt động di dời đường điện; Hoạt động rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị; Hoạt động thi công, xây dựng các công trình kiến trúc trên đất (nhà xưởng, nhà điều hành...), công trình phụ trợ và công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước...); Hoạt động của máy móc, phương tiện, thiết bị tham gia thi

công; Hoạt động sơn phủ công trình; Hoạt động của công nhân trên công trường; Hoạt động san lấp, hoàn trả tuyến kênh mương hiện trạng. .

+ Giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án (chuyên nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện ra vào của cán bộ, công nhân); Hoạt động sản xuất các sản phẩm của dự án (sản phẩm nhựa, linh kiện điện tử, đồ chơi trẻ em...); Hoạt động của công nhân làm việc tại dự án; Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung; Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

b. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:

- Khai thác nguyên vật liệu xây dựng;
- Hoạt động rà phá bom mìn, vật liệu nổ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của 60.131,8 m² đất lúa hai vụ quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, bóc lớp đất bề mặt, vận chuyển đổ thải đất bóc hữu cơ, san nền, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng, hoạt động thi công hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước), nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ khác,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm; hoạt động sản xuất các sản phẩm; hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động của cán bộ, công nhân... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại...; tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày.đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), tổng coliform.

- Nước thải xây dựng: phát sinh khoảng 1,18 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), váng dầu mỡ...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,25 m³/s. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án lớn nhất là 56,7 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước làm mát khuôn từ hoạt động của máy ép nhựa: Lưu lượng nước làm mát bổ sung hằng ngày khoảng 3m³/ngày.đêm, được tuần hoàn, tái sử dụng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Nhiệt độ, cặn lắng.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn ngày lớn nhất có lưu lượng 0,6 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đổ thải, phương tiện, máy móc thiết bị. Thành phần chủ yếu là TSP, SO₂, CO₂, NO_x, VOC_s.

- Bụi, khí thải từ hoạt động hàn cắt kim loại. Thành phần gồm các chất ô nhiễm như các oxit kim loại Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO... tồn tại ở dạng khói và một số khí khác như CO, NO_x...

- Hoạt động sơn phủ công trình phát sinh khí thải VOCs.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và từ phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân ra vào dự án;

- Bụi, khí thải từ một số công đoạn sản xuất: Hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn bắn keo và đùn ép nhựa; Hơi kim loại phát sinh tại công đoạn hàn dây; Bụi phát sinh trong quá trình trộn nguyên vật liệu; Hơi dung môi (cồn) trong quá trình vệ sinh các thiết bị linh kiện điện tử ; Bụi phát sinh từ quá trình nghiền các

sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất bán thành phẩm nhựa; Bụi sơn, hơi sơn phát sinh từ công đoạn sơn sản phẩm (thành phần chủ yếu là Xylen, Etylbenzen); Hơi VOCs từ công đoạn in sản phẩm (thành phần chủ yếu Styren).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: phát sinh không thường xuyên.

- Mùi phát sinh từ các khu vực lưu trữ rác thải và từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. thành phần chủ yếu gồm H_2S ; NH_3 ; CH_4 ...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày. Thành phần gồm: các chất hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa, rau củ quả, giấy báo, bìa carton,...) và các loại khó phân huỷ như vỏ hộp thải, nilon, chai lọ nhựa, thủy tinh,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thăm thực vật phát quang: 58,4 tấn.

- CTR xây dựng:

- + Tổng khối lượng đào đắp khoảng $187.856 m^3$, khối lượng đất bóc bề mặt của đất trồng lúa khoảng $12.026,4 m^3$.

- + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thăm thực vật: 58,4 tấn.

- + Vật liệu hao hụt trong quá trình thi công: khoảng 176,31 tấn. Thành phần chủ yếu: gạch vỡ, nguyên liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng...

- + CTR từ hoạt động lắp ráp dây chuyền, máy móc: khoảng 2,256 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: gỗ pallet, bao bì, hộp xốp nhựa, bao bì nilon, bìa carton...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 1.200 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Rau quả, thực phẩm thừa, hộp đựng thức ăn, giấy vụn, bao nylon, vỏ lon, thủy tinh.

- CTR sản xuất phát sinh khoảng 740 kg/năm. Thành phần chủ yếu: tem mác, thùng giấy, băng dính lỗi hỏng, đầu mẫu dây điện...

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án: phát sinh khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là lá cây, giấy vụn

- Bùn cặn hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 763 kg/năm.

3.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH phát sinh trung bình khoảng 92,1kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải; giẻ lau dính dầu; giẻ lau khuôn

in; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ thùng sơn thải; pin, ắc quy thải; vải thấm dầu thải...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 2.850 kg/năm. Thành phần chủ yếu: bóng đèn huỳnh quang hỏng; dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; giẻ lau dính dầu, găng tay đã qua sử dụng; dầu thủy lực; vỏ bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại; pin, ắc quy chì thải; bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại; vỏ hộp mực in thải; cặn sơn thải, than hoạt tính thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ các thiết bị thi công xây dựng các hạng mục, công trình của dự án; vận chuyển máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất về dự án.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn từ hoạt động lưu thông các phương tiện ra vào dự án, từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, hệ thống thông gió, điều hòa không khí, hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải của Dự án trong giai đoạn vận hành.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động đến ngập úng khu vực.
- Tác động đến giao thông khu vực.
- Chiếm dụng diện tích đất trồng lúa nước với diện tích 60.131,8 m² ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác, ảnh hưởng hoạt động tưới tiêu thủy lợi, khu vực.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Tác động do nhiệt thừa;
- Tác động đến giao thông khu vực, an ninh trật tự khu vực.

Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố cháy, nổ; Rủi ro, sự cố trạm biến áp, đường điện; Rủi ro, sự cố hư hỏng hệ thống xử lý chất thải; Rủi ro sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; Rủi ro, sự cố phát tán dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 04 nhà vệ sinh di động, mỗi nhà có 01 bể chứa chất thải 500l trong khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của dự án trong giai đoạn xây dựng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả ra ngoài môi trường.

+ Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe, thu gom theo rãnh thu nước có kích thước $D \times R = 0,8 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$ vào bể lắng 03 ngăn có thể tích 15 m^3 (bể lắng có sử dụng vật liệu thấm dầu) tại khu vực cầu rửa xe để lắng cặn và tách váng dầu mỡ. Nước thải sau xử lý, tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, không xả thải ra ngoài môi trường. Bùn đất và cát tại hố lắng được nạo vét, phơi bùn và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến khu lưu giữ theo phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án.

+ Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa xe → rãnh thu gom → hố lắng (có bố trí vật liệu thấm dầu) → tái sử dụng cho hoạt động rửa xe hoặc xả thải ra ngoài môi trường.

- *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về tài nguyên môi trường; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro môi trường.

+ Trong quá trình thi công đảm bảo về thực hiện xây dựng các hạng mục công trình theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

+ Lắp biển cảnh báo, chỉ dẫn, phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

+ Bố trí người trực cảnh giới trong thời gian thi công.

+ Bố trí các rãnh thu nước mưa tạm thời có kích thước $D \times R = 0,8 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$; dọc theo các rãnh bố trí các hố ga lắng cặn kích thước khoảng $1,5 \times 1,5 \times 1,5 \text{ m}$, khoảng cách 50m/hố. Thường xuyên nạo vét bùn cát tại các hố ga.

- *Quy trình thu gom nước mưa chảy tràn:* Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước tạm → Hố ga → xả ra môi trường.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- *Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt*

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. (kể từ ngày 01/01/2032 phải áp dụng theo QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B, F ≤ 2000) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, khuyến khích áp dụng từ ngày 01/9/2025,).

+ Quy trình thu gom xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- *Biện pháp xử lý nước thải sản xuất:*

Nước làm mát khuôn từ hoạt động của máy ép nhựa: Tuần hoàn tái sử dụng. Quy trình xử lý: Nước làm mát → tháp giải nhiệt → tuần hoàn tái sử dụng.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các phương tiện tham gia thi công của dự án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật; phương tiện chuyên chở đúng tải trọng; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu.

- Thường xuyên quét dọn, thu gom vật liệu rơi vãi với tần suất 01 ngày/lần.

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao khoảng 2,5 - 3 m xung quanh khu vực công trường thi công.

- Thực hiện thi công và vận chuyển theo hình thức cuốn chiếu, dứt điểm từng khu vực; sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp xây dựng các hạng mục công trình, tần suất khoảng 02 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân (kính, mũ, khẩu trang...).

- Thực hiện phun chế phẩm khử mùi tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tạm thời và ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và nạo vét bùn thải định kỳ hệ thống mương rãnh thu gom nước mặt, nước thải; bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) cho bể tự hoại và thông tắc đường ống thoát nước thải.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tại vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Máy phát điện sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu lượng phát thải SO_2 ; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo giảm tiếng ồn, rung.

- Lắp đặt quạt thông gió, điều hòa công nghiệp với mục đích điều hòa không khí, giảm lượng bụi và khí thải lưu thông trong khu vực sản xuất.

- Biện pháp giảm thiểu bụi sơn, hơi sơn từ hoạt động phun sơn, in sản phẩm:

- + Bố trí 01 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động sơn trong quá trình sản xuất, công suất khoảng $95.000 \text{ m}^3/\text{h}$; Quy trình công nghệ: Mùi, khí thải, bụi từ khu vực phun sơn, in (gồm phun sơn tay, phun sơn giàn, phun sơn tự động và in) → Chụp hút → Tháp đập bụi (dòng khí thải dẫn từ dưới lên và nước phun từ trên xuống để tăng khả năng tiếp xúc) → Ống dẫn khí thải → Buồng hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải → Xả ra môi trường;

- + Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p = 0,9$, $K_v = 1,2$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra ngoài môi trường. Từ ngày 01/01/2032, áp dụng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (khuyến khích Chủ đầu tư áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01/7/2025).

- *Biện pháp giảm thiểu hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa, Biện pháp giảm thiểu hơi kim loại từ công đoạn hàn dây, bắn keo, sử dụng dung môi (cồn) trong công đoạn làm sạch linh kiện, hơi VOCs từ công đoạn in sản phẩm:*

- + Hoạt động đùn ép nhựa được thực hiện trong một quy trình khép kín hoàn toàn cùng với máy móc, thiết bị sản xuất được nhập khẩu đồng bộ.

- + Thực hiện lắp đặt thống thông gió cho nhà xưởng đảm bảo môi trường làm việc cho người công nhân và có bội số trao đổi không khí đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu (hạt nhựa và bột màu) và quá trình nghiền các sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất bán thành phẩm nhựa:*

+ Quá trình trộn nguyên liệu (hạt nhựa và bột màu) được thực hiện trong hệ thống máy trộn kín nên bụi gần như không phát sinh.

+ Thực hiện lắp đặt thống thông gió cho nhà xưởng đảm bảo môi trường làm việc cho người công nhân và có bội số trao đổi không khí đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo đúng quy định.

- Bố trí 01 hệ thống xử lý mùi hôi, khí thải từ trạm xử lý nước thải tập trung, công suất khoảng 1.500 m³/h. Khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ (nước (xử lý khí NH₃) → dung dịch NaOH (để xử lý khí H₂S)) → Ống thải → xả ra môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; bố trí các thùng chứa chuyên dụng loại 120 lít/thùng xung quanh công trường thi công để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Tận dụng các loại vật liệu xây dựng có khả năng tái chế theo quy định để bán cho các đơn vị có chức năng tái chế. Phần không thể tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Riêng đất, đá, gạch vỡ, vữa dư thừa... tận dụng làm vật liệu san lấp nền móng công trình.

- Đối với đất bóc tầng đất mặt của đất trồng lúa, sử dụng cải tạo đất tại các thửa đất số 1083; 1084, 1116, 1115, 1128, 1129, 1155, 1154, 1166, 1167, 1188, 1199, 1223, 1222, 1127, 1160, 1159, 1158, 1157, 1162, 1163, 1190, 1189, 1188, 1195, 1196, 1230, 1229, 1168, 1130, 1085, 1086, 1068, 1069, 1036, 1224, 1225, 1164, 1165, 1156 thuộc tờ bản đồ số 20, Bản đồ địa chính xã Thái Hoà đo vẽ năm 2011, hiện trạng là khu đất trồng cây cần cỗi cần được cải tạo. Tổng diện tích cần cải tạo khoảng 40.041,92m² (khoảng 4,0ha) chiều dày trung bình khoảng 0,3m. Chủ đầu tư có trách nhiệm san ủi mặt bằng thuận lợi cho việc sử dụng vào các mục đích nông nghiệp.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt:

+ Khu vực nhà ăn: Bố trí các thùng rác thể tích 5 lít - 10 lít đặt tại khu vực bàn ăn, phòng ăn. Bố trí 3 thùng đựng rác có nắp đậy dung tích 60 lít đặt tại khu vực bếp nấu ăn.

+ Khu vực nhà văn phòng: Bố trí các thùng rác thể tích 5 lít - 10 lít đặt tại

khu vực phòng làm việc, phòng vệ sinh, 2 cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng gồm 01 thùng chứa chất thải rắn vô cơ và 01 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại 2 đầu hành lang.

+ Khu vực sân đường nội bộ: Bố trí các cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng; 1 thùng chứa chất thải rắn vô cơ; 1 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại sân đường nội bộ của dự án.

+ CTR thu gom, tập kết về kho chứa có diện tích 13,2 m²; thực hiện ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, tần suất thu gom: 01 ngày/lần.

- CTR sản xuất:

+ Tại khu vực nhà xưởng sản xuất: Các sản phẩm nhựa lỗi, hỏng, bavia từ quá trình sản xuất nhựa, thu gom tập kết về khu vực nghiền, thu gom làm nguyên liệu sản xuất cho các sản phẩm nhựa khác.

+ Tại khu vực gia công, lắp ráp các thiết bị linh kiện điện tử: Bố trí các thùng rác có dung tích khoảng 5 lít - 10 lít. Hàng ngày, chất thải rắn được thu gom và tập kết về kho chứa CTR thông thường.

+ Đối với các loại CTR khác như: bìa carton, bao bì chứa nguyên vật liệu...thu gom thường xuyên và tập kết về kho lưu chứa CTR thông thường.

+ Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được chủ dự án thuê đơn vị hút, thu gom và vận chuyển theo đúng quy định

+ Bố trí 01 kho chứa CTR thông thường có diện tích 88 m². Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý, tần suất thu gom: 02 tuần/lần.

4.2.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); Thông tư 07 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 07/2025/TT-

BTNMT); Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa chất thải chuyên dụng, dự kiến bố trí 06 thùng chứa CTNH, dung tích mỗi thùng chứa 200 lít để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn, lỏng, đánh mã CTNH, có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, không bị mài mòn, chịu sự rung động, bền và không bị tương tác hoá học với chất thải nguy hại hoặc phát tán ra ngoài môi trường.

- Các thùng chứa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 15 m². Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có bảng tên, biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 03 tháng/lần.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí khoảng 13 thùng rác chuyên dụng dung tích khoảng 200 lít có nắp đậy kín, được dán mã CTNH theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

- Bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích 70,4 m² để thu gom, lưu chứa toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án. Tuân thủ quy định về thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.2.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị có mức ồn thấp khi thi công.
- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy móc theo đúng quy định.
- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng một lúc

để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung, bố trí thời gian hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số, độ rung.

- Không vận hành thiết bị, máy móc có độ ồn cao trong thời gian thi công từ 11h30 - 13h30 và từ 22h00 - 6h00 để hạn chế ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng vật liệu bạt hoặc tôn với chiều cao 2,5 - 3m.

- Các xe vận chuyển vật liệu thi công giới hạn tốc độ tối đa khoảng 20km/h khi di chuyển trên công trường và hạn chế tối đa bóp còi khi đi qua khu vực đông dân cư, tắt máy khi không cần thiết.

- Công nhân lao động tại công trường được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của dự án.

- Cấm bấm còi vào các giờ cao điểm trong khuôn viên khu vực.

- Các phương tiện tham gia hoạt động của dự án phải được đăng kiểm theo quy định; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, phương tiện, máy móc, đảm bảo việc vận hành phương tiện không gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn quy định.

- Trồng cây xanh dọc trên các tuyến đường nội bộ nhằm giảm thiểu độ ồn.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Từ ngày 14/11/2025, Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp giảm thiểu các tác động khác:

4.4.1. Giai đoạn thi công

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng do hoạt động san lấp kênh mương hiện trạng*

- + Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, không để nước mưa chảy tràn tự do qua nền đường đang thi công và đảm bảo không gây ngập úng khu vực lân cận.

- + Chuẩn bị máy bơm dự phòng tại công trường thi công để tiêu thoát cường bức khi cần thiết.

- + Thường xuyên kiểm tra khu vực thi công, nếu phát hiện tình trạng ngập úng cục bộ phải thực hiện khơi thông cho thoát nước.

- + Xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước mưa đúng thiết kế quy hoạch được duyệt.

+ Tiến hành nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực dự án.

+ Hoàn trả hệ thống mương cải dịch theo đúng thoả thuận với đơn vị quản lý kênh mương, đảm bảo tiêu thoát nước, không bị ngập úng khu vực lân cận.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất lúa:

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư;

+ Đất bóc tầng đất mặt của đất trồng lúa: Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, bóc đất một phần chuyển đến khu vực quy hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, phần còn lại vận chuyển để cải tạo đất sử dụng mục đích nông nghiệp theo văn bản thống nhất phương án sử dụng tầng đất mặt của cơ quan có thẩm quyền.

4.4.2. Giai đoạn vận hành

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của trạm XLNT tập trung:

+ Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố, kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt tiêu chuẩn ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

+ Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý mùi để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

+ Thường xuyên theo dõi chất lượng và định kỳ bổ sung dung dịch hấp thụ (NaOH) để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý mùi, khí thải.

+ Định kỳ khoảng 01 tuần/lần thực hiện thay nước (từ bể hấp thụ khí thải, mùi), nước thải được dẫn về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Lưu lượng phát sinh khoảng 1m³ cho mỗi lần thay.

+ Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý mùi, khẩn trương sửa chữa, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật...

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:

+ Định kỳ thực hiện kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý;

+ Định kỳ 06 tháng/lần thay than hoạt tính. Thu gom than hoạt tính lưu giữ tạm thời về kho chứa CTNH của nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố khác:

+ Phòng cháy và chữa cháy: lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt. Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

+ Sự cố hóa chất: lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường cần đặt ra cho hoạt động của Dự án Sản xuất và gia công các sản phẩm đèn Led trang trí, đồ chơi điện tử như sau:

- Giám sát, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành quy chế BVMT đối với hoạt động dự án.

- Tham gia thực hiện các kế hoạch bảo vệ môi trường hạn chế thải tối đa các chất gây ô nhiễm ra môi trường xung quanh, BVMT theo các quy định hướng dẫn chung của cơ quan quản lý.

- Tích cực tham gia phong trào giáo dục và tuyên truyền về BVMT.

5.2. Chương trình giám sát chất lượng môi trường

a. Giám sát chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải định kỳ.

b. Giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành:

*** Quan trắc nước thải:**

- Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** Quan trắc khí thải:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn và in sản phẩm.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, lưu lượng, Xylen, Etylbenzen, Styren.

- Tần suất giám sát:

+ Lưu lượng khí thải, Bụi tổng: 03 tháng/lần;

+Xylen, Etylbenzen, Styren: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp bụi và một số chất vô cơ (Cột B, hệ số Kp = 0,9, Kv = 1,2) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Từ ngày 01/01/2032, áp dụng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (khuyến khích Chủ đầu tư áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01/7/2025).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.3. Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

6.4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định.

6.5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.6. Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

6.7. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

6.8. Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

6.9. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.10. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.